TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

Số: **11**/2019/ DS-ST
Ngày 20/11/2019.
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lã Hùng Cường.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Trình.**

2. Bà **Đặng Thị Minh Anh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên toà: Bà **Đào Thanh Huyền** - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 11năm 2019 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 51/2019/TLST- DS, ngày04 tháng 06 năm 2019về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *16*/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10năm2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐHPT ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Ngân hàng TH mại cổ phần BĐ.

Trụ sở chính: Tòa nhà CT số 109, THĐ, phường CN, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Khương D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TH mại cổ phần BĐ – Chi nhánh Ba Vì.

Người được ủy quyền lại: + Ông Đặng Hữu Th, chức vụ: Phó Phòng khách hàng Ngân hàng TH mại cổ phần BĐ – Chi nhánh Ba Vì.

+ Ông Hoàng Xuân B, chức vụ: Trưởng phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TH mại cổ phần BĐ – Chi nhánh Ba Vì.

+ **Bị đơn**: - ***Chị Nguyễn Thị Thu H,*** *sinh năm 1985.*

- ***Anh Trần Minh T***, sinh năm 1982.

Đều địa chỉ: Thôn 1, xã BT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

(*Anh B, anh T có mặt; chị H vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2019 và bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng, Người nhận ủy quyền lại của Ngân hàng TH mại cổ phần BĐ trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ theo hợp đồng tín dụng số: 01/120816/04/101 được ký kết ngày 12/08/2016 tại Phòng giao dịch Mỹ Đình thuộc Ngân hàng TM cổ phần BĐ - chi nhánh Hà Nội. Theo hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T vay số tiền: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Mục đích sử dụng: tiêu dùng; Lãi suất 15%/năm; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay kể từ ngày 12/08/2016 đến 12/08/2021. Tại điều 4 của hợp đồng quy định trả nợ gốc và lãi như sau: Trả gốc trong vòng 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.667.000đ vào ngày 10 của tháng, kỳ cuối cùng trả 1.647.000đ vào ngày 12/8/2021, ngày trả gốc đầu tiên là 10/9/2016; Kỳ hạn trả lãi: Trả cùng kỳ trả nợ gốc, tính theo dư nợ thực tế.

Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ cho chị H, anh T vay theo hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng mà các bên đã ký kết. Từ thời điểm tháng 12/2017 khoản vay của chị H, anh T chuyển thành nợ quá hạn. Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho anh T, chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả, thường xuyên vi phạm cam kết. Tính đến ngày 20/5/2019 dư nợ gốc và lãi của anh Trần Minh T, chị Nguyễn Thị Thu H tại Ngân hàng TMCP BĐ là **89.674.266đ***(tám mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng)* (trong đó nợ gốc là 69.483.764đ; nợ lãi trong hạn: 13.842.665đ; Lãi quá hạn: 6.347.837đ).

Do ngày 28/6/2019 anh Trần Minh T đã đến Ngân hàng TMCP BĐ trả số tiền 10.000.000đ, Nên nay số dư nợ của anh T, chị H tại Ngân hàng là **82.250.761 đồng** (Tám mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn bảy trăm sáu mươi một nghìn, số liệu này tạm tính đến ngày 22/7/2019). Vì vậy, Ngân hàng TMCP BĐ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Minh T, chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TH mại cổ phần BĐ số tiền **82.250.761 đồng** *. Số liệu này tạm tính đến ngày 22/7/2019).*

Theo bản tự khai ngày 17/06/2019, biên bản phiên họp ngày 20/6/2019 anh Trần Minh T trình bày: Anh không hề biết việc chị Nguyễn Thị Thu H (vợ của anh) có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ, chị H đã bỏ đi

khỏi nhà được khoảng 07 tháng nay, sau khi chị H bỏ đi khỏi nhà, Ngân hàng BĐ đến đòi nợ thì anh mới biết chị H có vay Ngân hàng và có cam kết trả nợ bằng nguồn thu nhập từ lương hàng tháng khi đang công tác tại Trường Mầm non xã BT. Anh không được ký kết hợp đồng tín dụng nào cùng với chị H, anh không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng tín dụng số: 01/120816/04/101 được ký kết ngày 12/08/2016 tại Phòng giao dịch Mỹ Đình thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ - chi nhánh Hà Nội là chữ ký của anh. Hơn nữa, chị H thường nợ nần nhiều, anh không biết chị H sử dụng tiền vào mục đích gì nhưng không đem tiền về sử dụng vào mục đích chung của gia đình và bản thân anh cũng không được hưởng lợi gì từ số tiền vay của chị H. Do vậy, anh T không thừa nhận khoản vay với Ngân hàng th mại cổ phần BĐ và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho anh và chị H thêm thời gian để th lượng thỏa thuận giải quyết vấn đề vay nợ này. Tại giấy khai ngày 04/11/2019 anh Trần Minh T có quan điểm: Anh giữ nguyên quan điểm như trong bản tự khai ngày 17/6/2019 và vẫn khẳng định việc vay nợ của chị H với Ngân hàng TH mại cổ phần BĐ không liên quan gì đến anh, anh không được hưởng lợi gì từ khoản vay của chị H, chị H cũng không mang tiền về để phục vụ vào mục đích chung của gia đình. Tuy nhiên, vì anh xác định chị H và anh vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân nên ngày 28/6/2019 anh đã đến Ngân hàng TMCP BĐ trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng)* , anh T từ chối việc giám định chữ ký chữ viết của anh trong hợp đồng tín dụng, anh mong muốn ngân hàng cho anh thêm thời gian để chờ chị H trở về cùng trả nợ. Nếu như chị H không trở về, anh sẽ thương lượng với Ngân hàng TMCP BĐ tạo điều kiện cho anh trả dần hàng tháng với mức tiền phù hợp với khả năng thu nhập và điều kiện kinh tế của anh. Tuy nhiên phương án trả nợ như thế nào thì anh T không đề cập.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã thực hiện thủ tục tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đối với chị Nguyễn Thị Thu H, nhưng chị H vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành xác minh, thu thập thông tin về nơi cư trú hiện tại của chị Nguyễn Thị Thu H thì được biết: Chị Nguyễn Thị Thu H trước đây là giáo viên trường Mầm non Ba Trại B thuộc xã Ba Trại, nhưng sau khi làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều, chị H đã đi khỏi nhà từ 07 tháng nay, hiện không rõ chị H đang sinh sống ở đâu, làm nghề gì, anh T là chồng chị H cũng không nắm được thông tin. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật đối với chị Nguyễn Thị Thu H.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông Hoàng Xuân B, người nhận ủy quyền lại của Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T và xuất trình bảng kê tính lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/11/2019 yêu cầu: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ,

chi nhánh Hà Nội số tiền tổng số là : 82.763.988đồng; Trong đó gồm: Nợ gốc: 59.483.764 đồng ; tiền lãi nợ trong hạn : 16.987.587,đ; Tiền lãi quá hạn: 6.292.637,đ; tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2019 và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết nợ ngân hàng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Trần Minh T thừa nhận số dư nợ gốc, lãi tại Ngân hàng th mại cổ phần BĐ như đại diện Ngân hàng đã trình bày, anh T không đưa ra được pH án trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử:

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các bước tố tụng theo quy định của pháp luật; Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Vụ án kéo dài do đương sự không chấp hành, cố tình dấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

+ Quan điểm đề xuất giải quyết vụ án: đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng th mại cổ phần BĐ. Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ tổng số tiền là 82.763.988đồng; Trong đó gồm: Nợ gốc: 59.483.764 đồng ; tiền lãi nợ trong hạn : 16.987.587,đ; Tiền lãi quá hạn: 6.292.637,đ; tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2019 và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ và chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ và bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T, có địa chỉ: Thôn 1, xã BT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo quy định tai khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 .

Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tiến hành tố tụng bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt không có lý do khi Tòa án triệu tập, Tòa án đã tiến hành việc tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng

quy định của pháp luật, việc vắng mặt của bị đơn Nguyễn Thị Thu H tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án khách quan, đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua lời khai của đại diện nguyên đơn là ông Đặng Hữu Th và ông Hoàng Xuân B , bị đơn là anh Trần Minh T cung cấp và các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định:

-Về hình thức của giao dịch dân sự: Ngân hàng th mại cổ phần BĐ và bị đơn Nguyễn Thị Thu H, Trần Minh T đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 01/120816/04/101 được ký kết ngày 12/08/2016 tại Phòng giao dịch Mỹ Đình thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ - chi nhánh Hà Nội. Theo hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T vay số tiền: **100.000.000** đồng (Một trăm triệu đồng); Mục đích sử dụng: tiêu dùng; Lãi suất 15%/năm; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay kể từ ngày 12/08/2016 đến 12/08/2021. Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ cho chị H, anh T vay theo hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm. Số tiền gốc và lãi vay ngân hàng sẽ được chị H thanh toán trực tiếp qua tài khoản Ngân hàng dựa trên nguồn trả nợ chính là khoản lương hàng tháng của chị H (do chị đang công tác tại Trường mầm non Ba Trại B). Kỳ hạn trả nợ được quy định tại điều 4 của hợp đồng tín dụng: Trả gốc trong vòng 60 kỳ, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.667.000đ vào ngày 10 của tháng, kỳ cuối cùng trả 1.647.000đ vào ngày 12/8/2021, ngày trả gốc đầu tiên là 10/9/2016; Kỳ hạn trả lãi: Trả cùng kỳ trả nợ gốc, tính theo dư nợ thực tế.

Đây là hợp đồng giao dịch dân sự không có bảo đảm. Hợp đồng này được hai bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên đã thỏa thuận về pH thức thanh toán số tiền gốc và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đã được ghi trong hợp đồng tín dụng. Ngày 12/8/2016 phía Ngân hàng th mại cổ phần BĐ đã giải ngân số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Thu H thông qua hình thức chuyển khoản, chị H là người đã rút toàn bộ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thể hiện trong phiếu xác nhận giao dịch rút tiền ngày 12/8/2016 (Bút lục số 31), nên việc giao kết theo hợp đồng tín dụng là hợp pháp đúng trình tự và đảm bảo về mặt hình thức. Do vậy, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết như trong hợp đồng tín dụng.

Tuy nhiên, do bị đơn không thực hiện việc đóng gốc, lãi theo định kỳ và trả nợ khi đã đến hạn của hợp đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định trong hợp đồng. Nay Ngân hàng TMCP BĐ yêu cầu: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ, chi nhánh Hà Nội số tiền tổng số là 82.763.988đồng; Trong đó gồm: Nợ gốc: 59.483.764 đồng ; tiền lãi nợ trong hạn : 16.987.587,đ; Tiền lãi quá hạn: 6.292.637,đ; tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2019 và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết nợ ngân hàng là có cơ sở và đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị đơn có ký hợp đồng tín dụng như nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nhận đủ số tiền vay là **100.000.000đ** (Một trăm triệu đồng) thể hiện trong phiếu xác nhận giao dích rút tiền ngày 12/8/2016 (Bút lục số 31). Tuy nhiên, kể từ ngày vay cho đến trước khi ngân hàng có đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T đã trả được số tiền gốc là 30.516.236,đ; Số tiền nợ gốc còn là: 69.483.764đ đồng ;

Ngày 28/6/2019 anh Tuyên đã đến Ngân hàng TMCP BĐ tự nguyện trả số tiền 10.000.000đ cho Ngân hàng. Hiện nay số tiền gốc chị H, anh T có chưa trả là 59.483.764đ .

Phía Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho chị H, anh T nhưng chị H thì bỏ đi khỏi nơi cư trú, cố tình trốn tránh nghĩa vụ, anh T thì chây ỳ không thực hiện nghĩa vụ. Sau khi ngân hàng làm đơn khởi kiện, anh Trần Minh T không thừa nhận khoản nợ, không thừa nhận chữ ký chữ viết của anh trong hợp đồng tín dụng, anh cho rằng việc vay nợ với Ngân hàng TMCP BĐ là của riêng chị H, số tiền vay anh không được sử dụng và cũng không phục vụ mục đích chung của gia đình. Tuy nhiên, anh không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của anh trong hợp đồng tín dụng, anh T không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc vay nợ của chị H không liên quan đến anh, hơn nữa ngày 28/6/2019 anh Tuyên đã đến Ngân hàng TMCP BĐ tự nguyện trả số tiền 10.000.000đ cho Ngân hàng. Điều này cho thấy, anh T đã tự thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng TMCP BĐ. Vì vậy, ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T thanh toán số dư nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 357 Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ đề ngày 20/05/2019; Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ tổng số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là: 82.763.988đồng; Trong đó gồm: Nợ gốc: 59.483.764 đồng ; tiền lãi nợ trong hạn : 16.987.587,đ; Tiền lãi quá hạn: 6.292.637,đ; tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2019 và lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ và chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/120816/04/101 được ký kết ngày 12/08/2016 tại Phòng giao dịch Mỹ Đình thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ - chi nhánh Hà Nội, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ vào điều 26 và khoản 2 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.138.199 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227; 228; 235; 271; 272; 273; Khoản 3 Điều 144, điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 351; 353; 357; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 18; Khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ, chi nhánh Hà Nội tổng số tiền là 82.763.988đồng *(Tám mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm tám mươi tám đồng)*; Trong đó tiền gốc là : 59.483.764,đ *(Năm mươi chín triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi tư đồng*);Tiền lãi là: 23.280.224đ *(Hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng)* và phải trả số tiền lãi suất phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 21/11/2019 cho đến khi chị H, anh T trả hết nợ ngân hàng (theo hợp đồng tín dụng số 01/120816/04/101 được ký kết ngày 12/08/2016)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 59.483.764đ (*Năm mươi chín triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi tư đồng*) theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/120816/04/101 được ký kết ngày 12/08/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng th mại cổ phần BĐ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.138.199 đồng (Bốn triệu, một trăm ba mươi tám nghìn một trăm chín mươi chín đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ

số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.188.741đ (Hai triệu một trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng) theo Biên lai số 0009282 ngày 06/05/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần BĐ, anh Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thự hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội*
- *VKSND huyện Ba Vì*
- *Chi cục THADS huyện Ba Vì*
- *Ủy ban nhân dân xã BT.*
- *Các đương sự*
- *Lưu VP, HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường